

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc kết quả giám sát công tác xây dựng huyện Dầu Tiếng đạt chuẩn  
huyện nông thôn mới nâng cao**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG  
KHÓA V - KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân huyện giám sát công tác xây dựng huyện Dầu Tiếng đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 82/BC-ĐGS ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân huyện về kết quả giám sát công tác xây dựng huyện Dầu Tiếng đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Đánh giá kết quả thực hiện**

Hội đồng nhân dân huyện tán thành nội dung Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân huyện về công tác xây dựng huyện Dầu Tiếng đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao với những đánh giá về kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, tồn tại. Đồng thời, nhấn mạnh một số nội dung sau:

**1. Kết quả đạt được**

### **1.1. Đối với xã nông thôn mới nâng cao**

Qua 02 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, huyện Dầu Tiếng có thêm 04 xã (gồm: Minh Tân, Định An, Minh Hòa và Long Tân) được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao toàn huyện lên 09/11 xã, gồm: Thanh An, Định Hiệp, Định Thành, Long Hòa, Minh Tân, Định An, Minh Hòa, Thanh Tuyền và Long Tân, đạt 81,82% theo Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2018-2020.

Tuy nhiên, vừa qua UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, trong Bộ tiêu chí mới của tỉnh vẫn bao gồm 19 tiêu chí, nhưng bổ sung thêm 32 chỉ tiêu (từ 43 chỉ tiêu lên 75 chỉ tiêu), trong đó có nhiều nội dung cần nâng chất, điều kiện khó và cao hơn. Vì vậy, sau khi đánh giá lại theo Bộ tiêu chí mới thì các xã còn một số tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt theo quy định.

*(Đính kèm Phụ lục 1 - đánh giá chi tiết từng tiêu chí, chỉ tiêu của từng xã)*

### **1.2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu**

Căn cứ theo Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025, quy định xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trước tiên phải đạt các tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, đồng thời: (1) Về thu nhập bình quân đầu người phải cao hơn từ 10% trở lên so với xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm; (2) Đạt tất cả các chỉ tiêu, tiêu chí mô hình thông minh; (3) Đạt tiêu chí quy định theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất, như: về sản xuất, về giáo dục, về y tế, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyển đổi số,... Do đó qua đánh giá sơ bộ, đến thời điểm hiện tại hầu hết các xã chưa đạt theo Bộ tiêu chí nâng cao giai đoạn 2021-2025 của tỉnh do một số tiêu chí, chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu yêu cầu rất cao như đã nêu trên.

*(Đính kèm Phụ lục 2 - đánh giá chi tiết từng tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới kiểu mẫu của từng xã)*

### **1.3. Đối với Huyện nông thôn mới nâng cao**

Theo Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao và thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025 gồm có 09 tiêu chí, 38 chỉ tiêu. Hiện nay huyện Dầu Tiếng đã đạt 04/9 tiêu chí, 26/38 chỉ tiêu.

*(Đính kèm Phụ lục 3 - đánh giá chi tiết từng tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao của huyện Dầu Tiếng)*

## 2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện công tác xây dựng huyện Dầu Tiếng đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Các xã còn một số tiêu chí nông thôn mới nâng cao chưa đạt theo Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025.

- Tình hình phát triển kinh tế tập thể chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của huyện; các xã có thành lập hợp tác xã nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Việc triển khai thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) chưa đạt kế hoạch đề ra<sup>1</sup>.

- Việc tổ chức cho các hộ gia đình thực hiện phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn tại nguồn chưa đảm bảo theo yêu cầu của tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa còn thấp so với tiêu chí nông thôn mới nâng cao; việc triển khai số sức khỏe điện tử chưa đồng bộ.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước tập trung trên địa bàn các xã còn thấp<sup>2</sup>; một số xã chưa tích cực vận động người dân sử dụng nước sạch đối với những tuyến đường đã được đầu tư hệ thống nước sạch.

- Chưa đảm bảo bố trí đầu tư cho các xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chưa có trường THPT đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

### Điều 2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thực hiện công tác xây dựng huyện Dầu Tiếng đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao, Hội đồng nhân dân huyện đề nghị UBND huyện thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

1. Chỉ đạo các ngành, địa phương rà soát, xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt theo các Quyết định của UBND tỉnh<sup>3</sup>; phân

<sup>1</sup> Hiện nay mới chỉ có 7 sản phẩm OCOP của 05 xã được công nhận (Rượu gạo nếp năng lượng – xã Long Hòa; Dưa lưới – xã An Lập; Bưởi da xanh – xã Minh Thạnh; cam sành, quýt đường, bưởi da xanh của HTX Minh Hòa Phát - xã Minh Hòa; Yến sào của HTX Yến sào Dầu Tiếng - xã Minh Tân).

<sup>2</sup> Như: xã Thanh An chỉ đạt 56,8%, An Lập đạt 46,9%, Minh Thạnh đạt 62,4%, Long Tân đạt 51,3%, Thanh Tuyên đạt 50,2%, Định An đạt 58,4%...

<sup>3</sup> Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về

đầu cuối năm 2023 có thêm 02 xã (Minh Thạnh và An Lập) được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao lên 11/11 xã, đạt 100%; phần đầu có từ 01 đến 03 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện Dầu Tiếng được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào cuối nhiệm kỳ<sup>4</sup>.

2. Quy hoạch, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả; khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn huyện phát triển theo mô hình liên kết trong sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm. Triển khai hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

3. Tổ chức cho các hộ gia đình thực hiện phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn tại nguồn; bảo vệ môi trường trong sản xuất và xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn “sáng - xanh - sạch - đẹp”, đặc biệt là tăng cường hơn nữa việc trồng cây xanh, hoa kiểng dọc các tuyến đường để cải thiện cảnh quan.

4. Chỉ đạo ngành y tế phối hợp với các xã trên địa bàn huyện triển khai thực hiện đồng bộ tiêu chí 14 về Y tế<sup>5</sup>.

5. Phối hợp với Trung tâm Đầu tư khai thác nước sạch nông thôn Bình Dương đầu tư, nâng công suất các nhà máy nước trên địa bàn xã, mở rộng thêm đường ống cấp nước sạch đến các khu dân cư, cụm dân cư nhằm cấp nước sạch phục vụ cho người dân nông thôn. Chỉ đạo UBND các xã tích cực tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước sạch khi có tuyến ống cấp nước sạch đi qua để nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 65%, đạt chỉ tiêu theo yêu cầu của Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

6. Xác định xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và tập trung nguồn lực đầu tư nhằm đạt chỉ tiêu đề ra.

7. Chỉ đạo các trường THPT trên địa bàn xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

8. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch. Chỉ đạo UBND các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030 để sớm đưa vào áp dụng thực hiện nhằm đảm bảo quy hoạch và phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

9. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng để nâng cao tính tự giác,

việc ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao và thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025.

<sup>4</sup> Theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 15/7/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Dầu Tiếng lần thứ V, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND huyện về việc phê chuẩn Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 5 năm (2021 – 2025) đã đề ra.

<sup>5</sup> Theo Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025.

chủ động, sáng tạo, chung sức trong quá trình tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới.

10. Khai thác hiệu quả các thiết chế nông thôn mới đã được đầu tư, đặc biệt là các thiết chế văn hóa; xây dựng, củng cố các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao. Xây dựng và nhân rộng những cách làm hay, mô hình điểm về xây dựng NTM; khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức và cá nhân làm tốt, có nhiều đóng góp cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện, các phòng, ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện kết quả thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng khóa V, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT.HĐND, UBND, UB.MTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND, UB.MTTQVN các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV VP HĐND-UBND huyện;
- Website huyện;
- Lưu: VT, pdf

**CHỦ TỌA**



**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN**  
**Nguyễn Công Danh**













STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Xã Thanh An	Xã Định Hiệp	Xã Định Thành	Xã Long Tân	Xã Long Hòa	Xã Thanh Tuyên	Xã Minh Hòa	Xã Định An	Xã An Lập	Xã Minh Tân	Xã Minh Thạnh
17.11		Đặt cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥90%	90%	90%	90%	90%	90%	90%	90%	90%	90%	90%	90%
<b>18 Chất lượng môi trường sống</b>														
18.1		Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥65%	56,8%	72,4%	83,9%	51,3%	75,8%	50,2%	64,4%	58,4%	46,9%	73,8%	62,4%
18.2		Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥80 lít	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
18.3		Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥40%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
18.4		Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
18.5		Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
18.6		Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	80%	80%	80%	80%	80%	80%	80%	80%	80%	80%	80%	80%
18.7		Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
18.8		Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
<b>19 Quốc phòng và An ninh</b>														
19.1		Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19.2		Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

**\* Ghi chú:**

1. Xã Thanh An: Đạt 15/19 Tiêu chí (67/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường; (18) Chất lượng môi trường sống

2. Xã Định Hiệp: Đạt 15/19 Tiêu chí (66/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (11) Hộ nghèo; (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường

3. Xã Định Thành: Đạt 16/19 Tiêu chí (68/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường



STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Xã Thanh An	Xã Định Hiệp	Xã Định Thành	Xã Long Tân	Xã Long Hòa	Xã Thanh Tuyên	Xã Minh Hòa	Xã Định An	Xã An Lập	Xã Minh Tân	Xã Minh Thạnh
-----	----------	-------------------	----------	-------------	--------------	---------------	-------------	-------------	----------------	-------------	------------	-----------	-------------	---------------

4. Xã Long Hòa: Đạt 15/19 Tiêu chí (70/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (11) Hộ nghèo; (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường

5. Xã Thanh Tuyên: Đạt 15/19 Tiêu chí (66/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường; (18) Chất lượng môi trường sống

6. Xã Minh Hòa: Đạt 15/19 Tiêu chí (69/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường; (18) Chất lượng môi trường sống

7. Xã Định An: Đạt 14/19 Tiêu chí (66/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (6) Văn hóa; (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường; (18) Chất lượng môi trường sống

8. Xã An Lập: Đạt 15/19 Tiêu chí (69/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (6) Văn hóa; (14) Y tế; (17) Môi trường; (18) Chất lượng môi trường sống

9. Xã Minh Tân: Đạt 16/19 Tiêu chí (70/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường

10. Xã Minh Thạnh: Đạt 17/19 Tiêu chí (72/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (14) Y tế; (18) Chất lượng môi trường sống

11. Xã Long Tân: Đạt 15/19 Tiêu chí (66/75 chỉ tiêu)

- TC chưa đạt: (13) Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; (14) Y tế; (17) Môi trường; (18) Chất lượng môi trường sống





## Phụ lục 2


**BIỂU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT TIÊU CHÍ THEO BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA UBND TỈNH (THEO QĐ SỐ 2458/QĐ-UBND NGÀY 03/10/2022 UBND tỉnh Bình Dương)**


(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện Dầu Tiếng)

STT	Tên tiêu chí		Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá
<b>I</b>	<b>XÃ THANH AN</b>					
<b>1</b>	<b>Thu nhập</b>					
	<b>Thu nhập</b>	1	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo qui định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng một thời điểm.	Năm 2022 $\geq$ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 76,4 triệu đồng/người	Chưa đạt
<b>2</b>	<b>Áp thông minh</b>					
	<b>Áp thông minh (ấp Thanh Tân)</b>	2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh, được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	- Tổng số hộ: 421, số nhân khẩu: 1,509 người - Số người sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn: 1.027/1.509 người, đạt tỷ lệ 68,05% - Số người dân trong ấp sử dụng điện thoại thông minh: 1.027/1,509 người đạt tỷ lệ 68,05%	Đạt
		2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động trong ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như: điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin ...	Đạt	- Số người dân trong độ tuổi lao động ấp 964 Người - Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến 417 người, đạt tỷ lệ 43,2%	Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá
		2.3 Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	Hiện trên địa bàn ấp Thanh Tân chưa có mô hình sản xuất nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Chưa đạt
		2.4 Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa	Đạt	- Tổng số hộ: 421 hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 346/421 Hộ, đạt tỷ lệ: 82,1%	Đạt
		2.5 Có 95% hộ gia đình trong ấp sử dụng nước sạch	Đạt	- Tổng số hộ: 421 hộ/ấp - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: 278/421 Hộ, đạt tỷ lệ: 66%	Chưa đạt
<b>3</b>	<b>Nhóm tiêu chí mẫu</b>				
		3.3 Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ em hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6, không có học sinh vi phạm	100%	Trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là 148/148 em, đạt tỷ lệ 100%; Trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 là 148/148 em, đạt tỷ lệ 100%. Qua các năm đều không có học sinh vi phạm pháp luật nhà nước	Đạt


STT	Tên tiêu chí		Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá
	 <b>Nhóm Giáo dục</b>					
3.4			Trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy	100%	Hệ thống trường học trên địa bàn xã có 3 cấp gồm 5 trường: Mầm non, Tiểu học và THCS đã được lâu hóa và hoàn thiện về cơ sở vật chất, hạ tầng. Hiện có 5/5 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I và cơ sở vật chất mức độ I, đạt 100%, các trường học ứng dụng CNTT vào giảng dạy 100%	Đạt
<b>II</b>	<b>XÃ THANH TUYỀN</b>					
<b>1</b>	<b>Thu nhập</b>					
	<b>Thu nhập</b>	1	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo qui định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Năm 2022 $\geq$ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 80 triệu đồng/người	Chưa đạt
<b>2</b>	<b>Áp (thôn) thông minh</b>					
		2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số người: 3.025 dân/ấp Chợ</li> <li>- Số người sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn: 1.900</li> <li>- Số người dân trong ấp sử dụng điện thoại thông minh: 2.230</li> </ul>	Đạt
		2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động/ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như, điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người dân trong độ tuổi lao động ấp 1.675 Người</li> <li>- Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến 1.020 người.</li> </ul>	Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
		2.3	Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	- Hiện trên địa bàn Ấp chưa mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Chưa đạt
		2.4	Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang (và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa)	Đạt	- Tổng số hộ: 860 Hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 735/860 Hộ, đạt tỷ lệ: 85,47%	Đạt
		2.5	Có 95% hộ gia đình trong ấp (thôn) sử dụng nước sạch	Đạt	- Tổng số hộ: 860 Hộ/ấp - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 860/860 Hộ, đạt tỷ lệ: 100%	Đạt
<b>3</b>	<b>Nhóm tiêu chí mẫu (đánh giá 1 nhóm tiêu chí chọn làm mẫu)</b>					
	Nhóm Giáo dục	3.3	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6; không có học sinh vi phạm	100%	- Tổng số trẻ: 198 bé - Số trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 198 Bé, đạt tỷ lệ: 100% - Số trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6: 205 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số học sinh có vi phạm: 00 Học sinh	Đạt





STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	3.4	Trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy	100%	- Tổng số trường học (bao gồm cấp Tiểu học và Trung học cơ sở): 03 Trường - Số trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy: 03 Trường, đạt tỷ lệ: 100 %	Đạt	
<b>III XÃ LONG TÂN</b>						
<b>1 Thu nhập</b>						
	<b>Thu nhập</b>	1	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo qui định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Năm 2022 $\geq$ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 75,2 triệu đồng/người	Chưa đạt
<b>2 Ấp (thôn) thông minh:</b>						
		2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	- Tổng số thuê bao: 689 Thuê bao; - Số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 493 Thuê bao đạt 71%	Đạt
		2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động/ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như, điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...	Đạt	- Số người dân trong độ tuổi lao động/ấp: 689 Người - Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến đạt 49,3%	Đạt




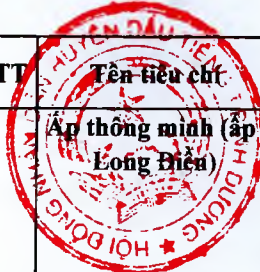


STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	Xã thông minh (Ấp Long Chiến)	2.3	Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	Hiện trên địa bàn Ấp có 01 tổ hợp tác trồng rau sạch gồm 6 thành viên ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất như có hệ thống tưới tiêu tự động, hiện mô hình đang đem lại lợi nhuận cao cho gia đình.	Đạt
		2.4	Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang (và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa)	Đạt	- Tổng số hộ: 364 Hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 298 Hộ, đạt tỷ lệ: 82%	Đạt
		2.5	Có 95% hộ gia đình trong ấp (thôn) sử dụng nước sạch	Đạt	- Tổng số hộ: 364 Hộ. - Tỷ lệ hộ sử dụng từ trạm cấp nước tập trung là 126/364 hộ, chiếm tỷ lệ 35%.	Chưa đạt
<b>3</b>	<b>Nhóm tiêu chí mẫu (đánh giá 1 nhóm tiêu chí chọn làm mẫu)</b>					
		3.3	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6; không có học sinh vi phạm	100%	- Tổng số trẻ: 103 bé - Số trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 103 Bé, đạt tỷ lệ: 100% - Số trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6: 119 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số học sinh có vi phạm: không có Học sinh bị phạm	Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	 Nhóm Giáo dục	3.4 Trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy	100%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số trường học (bao gồm cấp Tiểu học và Trung học cơ sở): 01 Trường</li> <li>- Số trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy: 01 Trường, đạt tỷ lệ: 100 %. Trong năm trường đã ứng dụng công nghệ mới vào giảng dạy như: sử dụng bảng tương tác thông minh ActiveBoard, Tivi, máy chiếu, 100% máy tính đều có kết nối mạng internet.</li> </ul>	Đạt	
<b>IV XÃ MINH TÂN</b>						
<b>1 Thu nhập</b>						
	<b>Thu nhập</b>	1	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo qui định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Năm 2022 ≥ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 74 triệu đồng/người	Chưa đạt
<b>2 Áp (thôn) thông minh (Đánh giá 1 áp chọn làm áp thông minh)</b>						
		2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số người dân/áp 1.328</li> <li>- Số người sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn: 913 người</li> <li>- Số người dân trong áp sử dụng điện thoại thông minh: 913 người</li> </ul>	Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	 Ấp thông minh (Ấp Tân Đức)	2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động/áp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như: điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...	Đạt	- Số người dân trong độ tuổi lao động áp 991 Người - Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến 456	Đạt
		2.3	Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	- Tổng số mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất: 0 Mô hình	Chưa Đạt
		2.4	Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang (và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa)	Đạt	- Tổng số hộ: 1328 Hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 1213 Hộ, đạt tỷ lệ: 91,3 %	Đạt
		2.5	Có 95% hộ gia đình trong áp (thôn) sử dụng nước sạch	Đạt	- Tổng số hộ: 1328 Hộ/ấp Tân Đức - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 1297 Hộ, đạt tỷ lệ: 97,66 %	Đạt
<b>3</b>	<b>Nhóm tiêu chí mẫu (đánh giá 1 nhóm tiêu chí chọn làm mẫu)</b>					
		3.3	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6; không có học sinh vi phạm	100%	- Tổng số trẻ: 170 bé - Số trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 170 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6: 148 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số học sinh có vi phạm: 0 Học sinh	Đạt


STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	 Nhóm Giáo dục	3.4 Trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy	100%	- Tổng số trường học (bao gồm cấp Tiểu học và Trung học cơ sở): 2 Trường - Số trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy: 2 Trường, đạt tỷ lệ: 100 %	Đạt	
<b>V</b>	<b>XÃ LONG HÒA</b>					
<b>1</b>	<b>Thu nhập</b>					
	Thu nhập	1	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Năm 2022 $\geq$ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 76 triệu đồng/người	Chưa đạt
<b>2</b>	<b>Áp (thôn) thông minh (Đánh giá 1 ấp chọn làm ấp thông minh)</b>					
		2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	- Tổng số người dân/ấp: 1.560 người - Số người sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn: 3.236 người - Số người dân trong ấp sử dụng điện thoại thông minh: 6.980 người	Đạt
		2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động/ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như, điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...	Đạt	- Số người dân trong độ tuổi lao động ấp 651 Người - Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến 280 người, đạt tỷ lệ: 43%	Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	 Ấp thông minh (ấp Long Điền)	2.3	Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	- Tổng số mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất: 0 Mô hình	Chưa đạt
		2.4	Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang (và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa)	Đạt	- Tổng số hộ: 427 Hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 396 Hộ, đạt tỷ lệ: 92,7 %	Đạt
		2.5	Có 95% hộ gia đình trong ấp (thôn) sử dụng nước sạch	Đạt	- Tổng số hộ: 427 Hộ/ấp - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 427 Hộ, đạt tỷ lệ: 100 %	Đạt
<b>3</b>	<b>Nhóm tiêu chí mẫu (đánh giá 1 nhóm tiêu chí chọn làm mẫu)</b>					
	<b>Nhóm Giáo dục</b>	3.3	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6; không có học sinh vi phạm	100%	- Tổng số trẻ: 137 bé - Số trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 137 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6: 221 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số học sinh có vi phạm: 0 Học sinh	Đạt
		3.4	Trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy	100%	- Tổng số trường học (bao gồm cấp Tiểu học và Trung học cơ sở): 02 Trường - Số trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy: 02 Trường, đạt tỷ lệ: 100 %	Đạt
<b>VI</b>	<b>XÃ MINH HÒA</b>					

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
1	<b>Thu nhập</b>					
1	<b>Thu nhập</b>	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Năm 2022 $\geq$ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 76 triệu đồng/người	Chưa đạt	
2	<b>Áp (thôn) thông minh (Đánh giá 1 ấp chọn làm ấp thông minh)</b>					
	<b>Áp thông minh (ấp Hòa Cường)</b>	2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	- Tổng số người dân: 4.018 người/ấp - Số người sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn 3.500 người - Số người dân trong ấp sử dụng điện thoại thông minh 3.500 người	Đạt
		2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động/ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như, điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...	Đạt	- Số người dân trong độ tuổi lao động ấp 3.500 Người - Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến 2.500	Đạt
		2.3	Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	- Trên địa bàn ấp Hòa Cường hiện chưa có mô hình sản xuất nông nghiệp, nên không áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Chưa đạt
		2.4	Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang (và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa)	Đạt	- Tổng số hộ: 1.089 Hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 1.000 Hộ, đạt tỷ lệ: 91,8 %	Đạt


STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá
		2.5 Có 95% hộ gia đình trong ấp (thôn) sử dụng nước sạch	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số hộ: 1.089 Hộ/ấp Hòa Cường</li> <li>- Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 1.089 Hộ, đạt tỷ lệ: 100 %</li> </ul>	Đạt
<b>3</b>	<b>Nhóm tiêu chí mẫu (đánh giá 1 nhóm tiêu chí chọn làm mẫu)</b>				
	Nhóm Giáo dục	3.3 Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6; không có học sinh vi phạm	100%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số trẻ: 128 bé</li> <li>- Số trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 128/128 trẻ 5 tuổi vào lớp 1 Bé, đạt tỷ lệ: 100 %</li> <li>- Số trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6: 181 Bé, đạt tỷ lệ: 100 %</li> <li>- Số học sinh có vi phạm: 0 Học sinh</li> </ul>	Đạt
		3.4 Trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy	100%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số trường học (bao gồm cấp Tiểu học và Trung học cơ sở): 3 Trường</li> <li>- Số trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy: 03 Trường, đạt tỷ lệ: 100 %</li> </ul>	Đạt
<b>VII</b>	<b>XÃ ĐỊNH AN</b>				
<b>1</b>	<b>Thu nhập</b>				
	Thu nhập	1 Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo qui định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Năm 2022 $\geq$ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 72,2 triệu đồng/người	Chưa đạt
<b>2</b>	<b>Ấp (thôn) thông minh (Đánh giá 1 ấp chọn làm ấp thông minh)</b>				






STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	<b>Áp thông minh (ấp An Phước)</b>	2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	- Tổng số người dân 762 - Số người sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn: 400 người - Số người dân trong ấp sử dụng điện thoại thông minh: 628 người	Đạt
		2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động/ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như, điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...	Đạt	- Số người dân trong độ tuổi lao động ấp 508 Người - Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến 341, đạt tỷ lệ 67,1%	Đạt
		2.3	Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	- Tổng số mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất: 01 Mô hình	Đạt
		2.4	Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang (và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa)	Đạt	- Tổng số hộ: 207 Hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 152 Hộ, đạt tỷ lệ: 73,4%	Đạt
		2.5	Có 95% hộ gia đình trong ấp (thôn) sử dụng nước sạch	Đạt	- Tổng số hộ: 207 - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 108 Hộ, chiếm tỷ lệ: 50,7 %	Chưa đạt
<b>3</b>	<b>Nhóm tiêu chí mẫu (đánh giá 1 nhóm tiêu chí chọn làm mẫu)</b>					







STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	Nhóm Văn hóa	3.7	Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu như: Hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; hội thi, thi đấu thể dục, thể thao	≥ 60% người dân tham dự	- Tổng số dân: 6.995 người - Số người dân tham gia hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu như: Hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; hội thi, thi đấu thể dục, thể thao: 2.131 Người, chiếm tỷ lệ: 30,46 %	Chưa đạt
		3.8	Mỗi ấp có ít nhất 01 câu lạc bộ, đội, nhóm văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	- Số Câu lạc bộ 13/9 ấp - Số ấp có câu lạc bộ: 09 ấp	Đạt
<b>VIII XÃ ĐỊNH THÀNH</b>						
1	<b>Thu nhập</b>					
	Thu nhập	1	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo qui định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Năm 2022 ≥ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 76 triệu đồng/người	Chưa đạt
2	<b>Ấp (thôn) thông minh (Đánh giá 1 ấp chọn làm ấp thông minh)</b>					
		2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	- Tổng số người dân 1427 người/ấp - Số người sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn: 45 - Số người dân trong ấp sử dụng điện thoại thông minh: 927	Chưa đạt



STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
	Áp thông minh (Áp Rạch Đá)	2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động/ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như, điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...	Đạt	- Số người dân trong độ tuổi lao động ấp 948 Người - Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến 906, đạt 95,5%.	Đạt
		2.3	Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	- Hiện trên địa bàn ấp chưa có mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Chưa đạt
		2.4	Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang (và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa)	Đạt	- Tổng số hộ: 350 Hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 270 Hộ, chiếm tỷ lệ: 77%	Chưa đạt
		2.5	Có 95% hộ gia đình trong ấp (thôn) sử dụng nước sạch	Đạt	- Tổng số hộ: 937 Hộ/ấp 05 - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 786 Hộ, đạt tỷ lệ: 83,9 %	Chưa đạt
3	<b>Nhóm tiêu chí mẫu (đánh giá 1 nhóm tiêu chí chọn làm mẫu)</b>					
	Nhóm Giáo dục	3.3	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6; không có học sinh vi phạm	100%	- Tổng số trẻ: 44 bé - Số trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 44 Bé, đạt tỷ lệ: 100% - Số trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6: 213 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số học sinh có vi phạm: 00 Học sinh	Đạt



STT	Tên tiêu chí		Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá
		3.4	Trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy	100%	- Tổng số trường học (bao gồm cấp Tiểu học và Trung học cơ sở): ... Trường - Số trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy: 01 Trường, đạt tỷ lệ: 100 %	Đạt
<b>IX XÃ ĐỊNH HIỆP</b>						
<b>1 Thu nhập</b>						
	<b>Thu nhập</b>	1	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo qui định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Năm 2022 $\geq$ 84 triệu đồng/người	Năm 2022 thu nhập bình quân đạt 76 triệu đồng/người	Chưa đạt
<b>2 Ấp (thôn) thông minh (Đánh giá 1 ấp chọn làm ấp thông minh)</b>						
	<b>Ấp thông minh (ấp Hiệp Phước)</b>	2.1	Trên 50% người dân được sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm nền tảng số, hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin	Đạt	- Tổng số người dân 1091/ấp - Số người sử dụng điện thoại thông minh được hướng dẫn: 687 - Số người dân trong ấp sử dụng điện thoại thông minh: 687	Đạt
		2.2	Trên 30% người dân trong độ tuổi lao động/ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như, điện, nước, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin...	Đạt	- Số người dân trong độ tuổi lao động ấp 687 Người - Số người có tài khoản thanh toán trực tuyến 687, đạt 100%.	Đạt
		2.3	Có ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Đạt	Hiện trên địa bàn ấp chưa có mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, số hóa trong quản lý, sản xuất	Chưa đạt



STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá	
		2.4	Có từ 80% hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang (có đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, trồng hoa)	Đạt	- Tổng số hộ: 256 Hộ. - Số hộ có nhà ở, hàng rào, cửa ngõ xây dựng khang trang: 256 Hộ, đạt tỷ lệ: 100%	Đạt
		2.5	Có 95% hộ gia đình trong ấp (thôn) sử dụng nước sạch	Đạt	- Tổng số hộ: 256 Hộ/ấp 08 - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 256 Hộ, đạt tỷ lệ: 100 %	Đạt
<b>3</b>	<b>Nhóm tiêu chí mẫu (đánh giá 1 nhóm tiêu chí chọn làm mẫu)</b>					
	Nhóm Giáo dục	3.3	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1, trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6; không có học sinh vi phạm	100%	- Tổng số trẻ: 263 bé - Số trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 118 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số trẻ hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6: 145 Bé, đạt tỷ lệ: 100 % - Số học sinh có vi phạm: 00 Học sinh	Đạt
		3.4	Trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy	100%	- Tổng số trường học (bao gồm cấp Tiểu học và Trung học cơ sở): 03 Trường - Số trường học cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới vào giảng dạy: 03 Trường, đạt tỷ lệ: 100 %	Đạt



## Phụ lục 3

**BIỂU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THEO BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 (Theo Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Bình Dương)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 07 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện Dầu Tiếng)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
<b>1</b>	<b>Quy hoạch</b>				
1.1		Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát điều chỉnh theo qui định, trong đó có qui hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Hiện UBND huyện đang triển thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện Dầu Tiếng (đang trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch).	Chưa đạt
1.2		Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	50%	Hiện UBND huyện đang triển thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện Dầu Tiếng (đang trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch).	Chưa đạt
<b>2</b>	<b>Giao thông</b>				
2.1		Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	- Tổng số km: 172,42km; - Tổng số km đã đạt tiêu chí: 172,42km, đạt tỷ lệ 100%.	Đạt
2.2		Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%	- Số km đường huyện: 146,10km; - Số km đường huyện đạt chuẩn theo tiêu chí: 146,10km; đạt tỷ lệ 100%.	Đạt




STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
	2.3	Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt	Hiện huyện Dầu Tiếng đã quy hoạch Bến xe khách tại Trung tâm thị trấn Dầu Tiếng, đạt tiêu chuẩn loại IV.	Đạt
<b>3</b>	<b>Thủy lợi và phòng, chống thiên tai</b>				
	3.1	Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số	Đạt	Hiện trên địa bàn huyện Dầu Tiếng có 06 công trình thủy lợi, trong đó: hồ Dầu Tiếng do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý, hồ Cần Nôm do UBND tỉnh quản lý; 05 công trình còn lại do địa phương quản lý, gồm: Đập Thị Tính, Trạm bơm Ba Thẳng Bư, Trạm bơm Bến Trống, Trạm bơm Bàu Sen, Càng Ông Gắn. Những công trình này đang hoạt động bình thường, chủ yếu phục vụ tưới tiêu trong mùa khô; 01 kênh dẫn nước từ hồ Phước Hòa về hồ Dầu Tiếng do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa quản lý qua địa bàn huyện với tổng chiều dài là 13,56km, bề mặt kênh rộng 30m, đáy rộng 12m được kiên cố hóa bê tông xi măng 100%; Ngoài hệ thống thủy lợi được đầu tư kể trên, trên địa bàn huyện Dầu Tiếng có 9 tuyến kênh, rạch, suối tự nhiên tổng chiều dài 24,74km thuộc địa bàn các xã Thanh Tuyền, Định Thành và Long Hòa.	Đạt
	3.2	Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện	Đạt	Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Dầu Tiếng tương đối dài (trên 45km) nên việc kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi gặp nhiều khó khăn.	Chưa đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
	3.3	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Xếp loại: Tốt	Đạt
<b>4</b>	<b>Điện</b>				
		Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan	Đạt	Mạng lưới cấp điện trên địa bàn huyện Dầu Tiếng do Điện lực Dầu Tiếng quản lý và vận hành, gồm: hệ thống điện trung áp và hạ áp, với khối lượng như sau: Chiều dài đường dây trung áp 12,7-22kV: 548km; Chiều dài đường dây hạ áp: 730km; Trạm phân phối biến áp: 1.106 trạm; Tổng dung lượng: 162.510 kVA. Ngoài ra, những năm gần đây trên địa bàn huyện Dầu Tiếng đang phát triển thêm nguồn điện năng lượng mặt trời mái nhà do một số doanh nghiệp đầu tư với tổng công suất lắp đặt của hệ thống đến nay ước đạt 67.610kWp. Hệ thống điện cơ bản đáp ứng được nhu cầu điện cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời gian tới.	Đạt
<b>5</b>	<b>Y tế - Văn hóa - Giáo dục</b>				
	5.1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	- Tổng dân số: 119.640 người; - Số người dân tham gia bảo hiểm y tế: 110.239 người, chiếm tỷ lệ 92,14%.	Chưa đạt
	5.2	Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao	Đạt	Hiện trên địa bàn huyện Dầu Tiếng chỉ có Trung tâm Văn hóa huyện, chưa có công viên hoặc quảng trường	Chưa đạt



STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
	5.3	Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả	Đạt	Trên địa bàn huyện Dầu Tiếng có 19 di tích trong đó có 11 di tích công nhận ( 01 Quốc gia, 10 cấp tỉnh). UBND huyện xây dựng kế hoạch phát huy di tích hằng năm, thường xuyên chỉ đạo các ban, ngành tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự vào các mùa lễ hội, đảm bảo an ninh trật tự cho du khách đến tham quan du lịch trên địa bàn huyện. Khách tham quan trong năm: 15.000 lượt người/năm (25 đoàn).	Đạt
	5.4	Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	- Tổng số trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1: 01 Trường, gồm: Trường THPT Dầu Tiếng. - Trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 00 Trường,	Chưa đạt
	5.5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2: 00 Trung tâm.	Chưa đạt
<b>6</b>	<b>Kinh tế</b>				





STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
6.1		Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ	Đạt	Hiện trên địa bàn huyện Dầu Tiếng có 01 Cụm công nghiệp (Cụm Công nghiệp Thanh An được thành lập tại Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bình Dương) đang hoạt động với tỷ lệ lấp đầy đạt 95% diện tích cụm công nghiệp, hiện có 02 doanh nghiệp được cấp phép đầu tư vào Cụm công nghiệp gồm: Công ty Gỗ Phú Đình và Công ty Ván sàn An Dương, đã giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 1.300 lao động địa phương.	Đạt
6.2		Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến	Đạt	Hiện trên địa bàn huyện Dầu Tiếng cây chủ lực vẫn là cây cao su và một số loại cây ăn trái như: Bưởi, cam, quýt, sầu riếng, măng cụt,... Hiện các vùng nguyên liệu tập trung của huyện được đầu tư đồng bộ và cấp mã vùng, ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến.	Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
	6.2	Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Chợ Dầu Tiếng có diện tích: 2.576 m <sup>2</sup> ; quy mô: có 01 trệt, 01 lầu, 02 nhà lồng; chợ hoạt động dưới sự quản lý của UBND Thị trấn Dầu Tiếng thông qua Ban quản lý chợ (BQL chợ do UBND huyện ban hành Quyết định thành lập) UBND thị trấn có trách nhiệm quản lý. Chợ Dầu Tiếng thuộc Chợ truyền thống, Chợ hạng 2, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng các nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa và nhu cầu của khu vực dân cư. Điểm kinh doanh tại chợ: bao gồm quầy hàng, sạp hàng, ki-ốt, được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 3m <sup>2</sup> /điểm.	Đạt
	6.4	Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	Căn cứ Đề án của UBND tỉnh, UBND huyện Dầu Tiếng đã ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về triển khai Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" đến năm 2025 trên địa bàn huyện, nhằm triển khai phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện.	Đạt
	6.5	Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	- Tổng số điểm du lịch của huyện: 02 điểm; - Tên các điểm du lịch tiêu biểu: KDL tâm linh Núi Cậu; KDT Rừng lịch sử Kiến An; - Số điểm du lịch của xã có quảng bá hình ảnh thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội: 02 Điểm, trên các mạng xã hội của huyện, tỉnh (có địa chỉ link liên kết).	Đạt
7	Môi trường				





STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
7.1		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	≥95%	- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại phát sinh: 80.948 Tấn/ngày; - Lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: 76.450 Tấn/ngày, đạt 94,4%,	Chưa đạt
7.2		Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	- Tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh: 4.3 Tấn/ngày; - Lượng chất thải rắn nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 4.3 Tấn/ngày, đạt 100%.	Đạt
7.3		Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	- Tổng lượng chất thải hữu cơ phát sinh: 16.324,25 Tấn/năm; - Tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh: 00 Tấn/năm; - Lượng chất thải hữu cơ được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: 15.474,33 tấn/năm, đạt 94,7%. - Lượng phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: 0 tấn/năm.	Đạt



STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
7.4		Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 70\%$	- Tổng số hộ: 34. 823 Hộ; - Số hộ thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: 3.480 hộ, đạt 9,9%. - Báo cáo một số mô hình hoặc địa phương thực hiện tiêu biểu: Các hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn tại nguồn như: các chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải rắn thực phẩm.	Chưa đạt
7.5		Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	$\geq 50\%$	Số hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 6.200/34.823 Hộ, đạt 17,8%.	Chưa đạt
7.6		Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4m^2/\text{người}$	- Số điểm dân cư nông thôn: 58 điểm; - Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: 210.900 m <sup>2</sup> ; - Số người dân tại điểm dân cư nông thôn: 17.160 Người.	Đạt
7.7		Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Số làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện: 00 Làng.	Đạt
7.8		Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	- Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh: 2.880.75 Tấn/năm; - Lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: 2.649.46 tấn/năm., đạt 91,9%, - Một số mô hình hoặc địa phương thực hiện hiệu quả, kết quả thực hiện: Thị trấn Dầu Tiếng, Định Hiệp, Thanh An, An Lập, Minh Hòa, Minh Thạnh.	Đạt



STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
<b>Chất lượng môi trường sống</b>					
8.1		Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 48\%$	- Tổng số hộ: 34.823 Hộ. - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 20.173, đạt tỷ lệ: 57,93%;	Đạt
8.2		Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	$\geq 80$ lít	- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 150 lít; - Xã có mức cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm đạt cao nhất: xã Minh Tân, mức cấp 200 Lit - Xã có mức cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm đạt thấp nhất: xã An Lập, mức cấp 82 Lit.	Đạt
8.3		Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 40\%$	- Tổng số công trình cấp nước tập trung: 13 Công trình; - Số công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: 13 Công trình, đạt 100%.	Đạt
8.4		Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 01$ mô hình	Hiện trên địa bàn huyện chưa có công trình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường.	Chưa đạt



STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tính đến hết năm 2022	
				Kết quả thực hiện	Đánh giá (ghi chú: "đạt" hoặc "chưa đạt")
Đạt	8.5	Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Cảnh quan , không gian luôn được huyện quan tâm đầu tư, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn. Cụ thể, UBND huyện đã chỉ đạo các xã và tuyên truyền, vận động người dân có ý thức giữ vệ sinh chung, rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp được tổ chức thu gom và đưa về bãi rác tập trung để xử lý hàng ngày không gây ô nhiễm môi trường. Đường làng, ngõ xóm, các khu vực công cộng, nhà ở được quét dọn thu gom rác thải thường xuyên tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Mỗi năm, Huyện cung ứng khoảng 10.000 cây giống lâm nghiệp (sao, dầu) cho các xã, cơ quan, trường học và cộng đồng dân cư trồng tại các trục lộ giao thông, công trình văn hóa, trường học, chợ, trục đường giao thông, khu dân cư tạo cảnh quan bóng mát góp phần giữ môi trường xanh, sạch, đẹp trên địa bàn huyện.	Đạt